

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2018

V/v Ly hôn giữa anh L và
chị T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn HS;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 9, xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 9, xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Anh L có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị T, đăng ký kết hôn ngày 01-4-2016 tại UBND xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ của anh L ở xóm 9, xã HS. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do

tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau. Vì vậy, từ ngày 01-6-2016, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, trách nhiệm từ đó. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh L làm đơn xin ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Phạm Thị T đến Tòa án để làm việc và giao nhận các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T đều vắng mặt. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị T đã nhận thay tất cả các văn bản tố tụng nêu trên và cam kết giao lại các văn bản trên cho chị T và nêu lý do chị T vắng mặt là do chị T bận đi làm không thể nghỉ được. Như vậy chị T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh L và chị nhưng chị T vẫn không có mặt, không thể hiện ý kiến, quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 01-4-2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, do tính tình quan điểm sống của hai người không hợp nhau nên đã xảy ra mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân nên anh L xin ly hôn với chị T. Xét yêu cầu xin của anh L thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, chị T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay, chị T không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi hòa giải của Tòa án đã chứng tỏ chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L. Như vậy, mâu thuẫn vợ

chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Phạm Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung và tài sản chung cũng như công nợ của vợ chồng: Anh L trình bày vợ chồng chưa có con chung, tài sản chung cũng như không cho ai vay hoặc vay mượn ai tài sản gì. Chị T không có ý kiến gì về vấn đề con chung và tài sản chung, công nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000021 ngày 18-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HS: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái